TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 6 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Ông Ngô Đình Tưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thu Hường - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:213/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐST-DS ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 2000. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Vũ Duy T, sinh năm 1998. Vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2025, bản tự khai ngày 06/02/2026 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị và anh Vũ Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/09/2019 tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị phát hiện anh T có tình cảm với người khác, vợ chồng cãi nhau mâu thuẫn căng thẳng, nhưng sau đó hòa giải được và tiếp tục chung sống với nhau. Đến tháng 10/2025 chị tiếp tục phát hiện anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, và anh T chặn liên lạc với chị từ tháng 10/2025 đến tháng 01/2026, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2025 cho đến nay, anh T không gửi tiền nuôi

con, vợ chồng không liên lạc với nhau nên hiện nay chị không biết anh T ở đâu. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên chị Trần Thị V yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ tình cảm: Chị V yêu cầu ly hôn anh Vũ Duy T.

- Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Vũ Trần Anh K, sinh ngày 03/11/2019 và Vũ Trần Mai V1, sinh ngày 23/01/2023. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa nên các con chủ yếu do chị trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian vợ chồng sống ly thân các con cũng do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Vũ Duy T đều vắng mặt không có lý do và anh T cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2026 bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1965 (nơi cư trú: Xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An) trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Vũ Duy T. Anh T đi nước ngoài từ khoảng giữa tháng 3/2026, lúc anh T thì nói với bà là đi Lào, nhưng sau khi anh T đi được hai ngày thì gọi điện thông báo cho bà là đã đi sang Campuchia, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Anh T và chị V có 02 con chung là Vũ Trần Anh K, sinh ngày 03/11/2019 và Vũ Trần Mai V1, sinh ngày 23/01/2023, hiện nay đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không biết anh T và chị V có mâu thuẫn như thế nào. Chị V ở nhà bố mẹ đẻ nhưng vẫn đi lại với gia đình và không trao đổi gì vơi bà về việc yêu cầu ly hôn anh T. Thời điểm Tòa án giao tài liệu và Thông báo phiên họp số 39/TB-TA ngày 24/02/2026 anh T đang ở nhà nhưng anh T nói bà ký nhận tài liệu, anh T có trao đổi với bà là anh không đồng ý ly hôn, vì ly hôn là khổ các con. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung anh T không có ý kiến gì.

Theo lời khai của bà Hoàng Thị T1 hiện nay anh T đã xuất cảnh đi nước ngoài, nhưng theo Công văn số 1973/QLXNC-DD1 ngày 29/4/2026 của phòng Q Công an tỉnh N trả lời anh Vũ Duy T đã nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 20/12/2024, hiện tại chưa có thông tin xuất cảnh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Vũ Duy T; Về con: giao con chung là Vũ Trần Anh K, sinh ngày 03/11/2019 và Vũ Trần Mai V1, sinh ngày 23/01/2023 cho chị Trần Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thành niên; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị V có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Trần Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp

Nguyên đơn chị Trần Thị V và anh Vũ Duy T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Kết hôn hợp pháp. Do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện về ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã D, tỉnh Nghệ An ngày 30/12/2025 thì anh Vũ Duy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.3]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Vũ Duy T không gửi văn bản trình bày ý kiến về nội dung giải quyết vụ án cho Tòa án.

Nguyên đơn vắng mắt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị Trần Thị V và anh Vũ Duy T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nay, chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T. Anh T đã biết được chị V đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tham gia hòa giải thể hiện sự bỏ mặc, mặc dù anh T có trình bày ý kiến qua bà Hoàng Thị T1 là không đồng ý ly hôn, tuy nhiên đến nay chị V vẫn không thay đổi ý kiến, chứng tỏ vợ chồng vẫn không có biện pháp hòa giải hiệu quả. Xét thấy tình cảm chị V đối với anh T không còn, và đã sống ly thân nên vợ chồng không thể đoàn tụ lại được, nên cần xét xử cho chị V được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị V và anh Vũ Duy T có 02 con chung là Vũ Trần Anh K, sinh ngày 03/11/2019 và Vũ Trần Mai V1, sinh ngày 23/01/2023. Xét thấy anh T hiện nay không ở địa phương nên không có điều kiện trực tiếp thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong khi đó, chị Trần Thị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu V1 và có điều kiện thuận lợi hơn để thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con chung. Do đó, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt, sự chăm sóc ổn định và điều kiện phát triển của cháu Vũ Trần Anh K và Vũ Trần Mai V1, cần giao cháu K và cháu V1 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì, nên Hội đồng không xem xét giải quyết

[2.4].Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Vũ Duy T

2. Về con chung: Giao các con chung là Vũ Trần Anh K, sinh ngày 03/11/2019 và Vũ Trần Mai V1, sinh ngày 23/01/2023 chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị Trần Thị V có yêu cầu.

Anh Vũ Duy T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000725 ngày 28/01/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng Ngô Đình Tưu Lê Văn Đạt

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- CTHADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ngọc Nguyễn Tất Quang Lê Văn Đạt

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Công Hải Nguyễn Văn D **Lê Văn Đ**